



TÌNH TRẠNG KHỦNG HOẢNG NƯỚC NGÀY MỘT TRĂM TRỌNG Ở CHÂU Á

Nguồn: Brahma Chellaney (2012). "Asia's Worsening Water Crisis", *Survival: Global Politics and Strategy*, Vol. 54, No. 2, pp. 143-156.

Biên dịch: Nguyễn Văn Anh | **Hiệu đính:** Phạm Thị Huyền Trang

Trong tất cả những nguồn tài nguyên thiên nhiên cần thiết đối với thế giới hiện đại, nước là nguồn tài nguyên quan trọng nhất. Trong khi chúng ta có thể thay thế dầu bằng các nguồn năng lượng khác, thì không gì có thể thay thế được nước. Nước đóng vai trò thiết yếu trong quá trình sản xuất của hầu hết các loại hàng hóa trên thị trường, từ thực phẩm đến sản phẩm công nghiệp, cũng như sản xuất điện năng, lọc dầu và khí đốt, khai thác than và uranium. Nói một cách đơn giản, khan hiếm nước và sự phát triển kinh tế không thể song hành cùng nhau.¹ Tuy nhiên, ngày nay tình trạng thiếu hụt nguồn nước đã ảnh hưởng tới hơn hai phần năm dân số trên thế giới, và rất có khả năng đến năm 2025 hai phần ba nhân loại sẽ sống trong cảnh thiếu nước hay căng thẳng về nước (water-stress).² Các quốc gia khan hiếm nước sẽ phải đối mặt với những sự lựa chọn khó khăn cũng như hứng chịu nhiều hậu quả về kinh tế. Và Châu Á sẽ là nơi cuộc khủng hoảng nước diễn ra trên quy mô rộng nhất.

Nước đã và đang nổi lên như một vấn đề chủ chốt trong việc xác định hướng đi của Châu Á – hợp tác nhiều hơn hay cạnh tranh nhiều hơn. Châu Á là Châu lục khô hạn nhất trên thế giới, với nguồn nước ngọt không bằng một nửa lượng nước trung bình hàng năm của thế giới tương đương 6.380m³/người. Sông, hồ và nguồn nước ngầm là các nguồn cung cấp nước chính của Châu Á, lượng nước bình quân theo đầu người ở Châu Á chưa đầy 1/10 lượng nước ở các nước Nam Mỹ hay Úc và

New Zealand, thấp hơn 1/4 lượng nước ở Bắc Mỹ, gần bằng 1/3 của Châu Âu và ít hơn tương đối so với Châu Phi.³ Tuy nhiên, đây lại là khu vực có nhu cầu về nước lớn nhất trên thế giới với nền kinh tế phát triển mạnh mẽ nhất trên toàn cầu. Ngày nay những nền kinh tế năng động nhất ở Châu Á bao gồm Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Hàn Quốc và Việt Nam đang hoặc sắp phải đối mặt với tình trạng căng thẳng về nước. Chỉ có một số nước ngoại lệ, đó là: Bhutan, Brunei, Myanmar, Campuchia, Lào, Malaysia và Papua New Guinea.

Tuy nhiên, Châu Á vẫn đang tiếp tục sử dụng lượng nước dự trữ để đáp ứng nhu cầu hiện tại.⁴ Nghiêm trọng hơn, Châu Á là một trong những nơi có hiệu quả sử dụng nước và năng suất nước thấp nhất trên thế giới. Trong bối cảnh này, nếu nói khủng hoảng nước đe dọa sự phát triển kinh tế và chính trị của Châu Á cũng như tính bền vững của môi trường thì cũng không phải là cách nói cường điệu. Đối với những nhà đầu tư, khủng hoảng nước gây ra những mối đe dọa tiềm ẩn như nợ xấu, bong bóng bất động sản, sự quá tải cơ sở hạ tầng và tham nhũng chính trị. Cuộc khủng hoảng nước đồng nghĩa với việc chi phí kinh doanh tại Châu Á tăng cao. Hiện nay, nước là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng cạnh tranh và bất hòa trong và giữa các quốc gia, dẫn đến những căng thẳng mới về việc chia sẻ nguồn tài nguyên lưu vực và nguy cơ đấu tranh cục bộ chống lại các quyết định của chính phủ hoặc doanh nghiệp trong việc mở mang các ngành công nghiệp cần nhiều nước.

Các thách thức về nguồn nước ở Châu Á

Đối mặt với vấn đề gia tăng dân số, sự phát triển nhanh chóng của tầng lớp trung lưu, quá trình mở rộng thủy lợi và các ngành công nghiệp cần nhiều nước cũng như lượng tiêu thụ của hộ gia đình không ngừng tăng, lượng nước bình quân hàng năm của Châu Á trên thực tế đã giảm xuống 1,6% mỗi năm. Sự suy giảm thậm chí còn nghiêm trọng hơn ở các khu vực Trung Á, Nam Á, Tây Nam Á và Tây Á cũng như ở vùng bán khô hạn phía bắc Trung Quốc. Thậm chí, ở những vùng nơi mà lượng nước vốn ít như vùng Cận Đông hay bán đảo Ả Rập, chỉ một sự suy giảm hoặc biến đổi lượng mưa hàng năm rất nhỏ cũng có thể khiến cho khu vực rơi vào tình trạng gần như hạn hán, ảnh hưởng trầm trọng tới toàn bộ cộng đồng người dân nơi đây. Cuộc khủng hoảng nước đang lan rộng ở Châu Á tác động trực tiếp tới sự phát triển kinh tế và con người, cũng như việc bảo vệ môi trường.

Với lượng nước ngầm đang giảm xuống đến mức nguy hiểm, nhiều thành phố ở các nước Châu Á phụ thuộc vào nguồn nước ngầm như thủ đô Sana'a của

Yemen và Quatta ở Pakistan đang phải đối mặt với nỗi ám ảnh về cạn kiệt nước. Bắc Kinh cũng đang ngày càng phụ thuộc vào nguồn cung cấp nước từ những nơi khác. Trong một cuộc tìm kiếm nước sâu rộng chưa từng thấy, hàng triệu giếng khoan đe dọa sẽ rút cạn mạch nước ngầm của Châu Á, trong khi các con sông nơi đây đang dần kiệt quệ. Các nền kinh tế Châu Á có thể nhập khẩu nhiên liệu hóa thạch, quặng khoáng sản và gỗ từ những vùng đất khác, nhưng họ buộc phải tự xoay sở với nguồn tài nguyên nước của quốc gia mình.

Áp lực về nguồn nước quốc gia bước vào giai đoạn cao trào khi nguồn nước bị bơm hút vượt quá 25% tổng nguồn nước có thể tái tạo. Tỷ lệ này là 34% ở Ấn Độ và 26% ở Hàn Quốc. Con số 18,57% ở Trung Quốc có thể là khá nhỏ nhưng đất nước này vẫn đang ở trong tình trạng thường xuyên thiếu nước ở khu vực phía bắc, nơi mà gần nửa dân số sống trong khu vực nguồn nước đang cạn kiệt. Trái lại, bằng cách đảm bảo chất lượng nước,⁵ Nhật Bản quản lý nguồn nước tốt hơn Trung Quốc ở mức 21,26%.

Ủy ban Kinh tế Xã hội Liên Hiệp Quốc ở Châu Á Thái Bình Dương (UNESCAP) đã khắc họa cuộc khủng hoảng Châu Á qua *Chỉ số Nước Sẵn có cho Phát triển năm 2009 (2009 Water Available for Development)*, một phép đo lượng nước bình quân đầu người hàng năm phục vụ các mục đích của con người, kinh tế và sinh thái, bằng hiệu số nguồn nước có khả năng tái tạo của mỗi quốc gia trừ đi tổng lượng nước được sử dụng. Chỉ số này chỉ ra rằng: trữ lượng nước giảm mạnh kể từ năm 1980 (năm cơ sở) ở một số quốc gia Châu Á, bao gồm hai quốc gia lớn là Trung Quốc và Ấn Độ chiếm 2/5 dân số toàn cầu.⁶ Tình trạng này ở Ấn Độ đặc biệt đáng lo ngại. Bản báo cáo đã cảnh báo rằng "sự thiếu hụt nguồn nước ở mức độ này dẫn đến tình trạng tranh giành một nguồn tài nguyên quý giá đang nổi lên như là mối đe dọa lớn tới ổn định trật tự xã hội."⁷

Mặc dù tốc độ gia tăng dân số Châu Á đã giảm, nhưng nhân tố thực sự quan trọng dẫn tới khủng hoảng nguồn nước là lượng cầu tăng do đời sống vật chất tăng cao. Điều này có thể được thể hiện rõ ràng nhất qua sự thay đổi chế độ ăn uống, đặc biệt là lượng tiêu thụ thịt tăng khiến nhu cầu sử dụng nước tăng do sản xuất thịt cần rất nhiều nước. Ví dụ như ở Trung Quốc, lượng tiêu thụ thịt tăng gấp bốn lần kể từ năm 1980 đến năm 2010, cùng với ngành công nghiệp thịt bò tăng từ mức xấp xỉ con số 0 lên mức tiêu thụ lớn thứ 3 trên thế giới. Đến năm 2030, lượng thịt tiêu thụ ở Trung Quốc dự kiến sẽ tiếp tục tăng gấp đôi. Sự thay đổi từ chế độ ăn chủ yếu là cơm và mì sợi sang chế độ ăn nhiều thịt hơn khiến cho lượng nước sử dụng trong sản xuất thực phẩm tăng gấp đôi kể từ năm 1985. Nguyên nhân là do:

lượng nước cần dùng để sản xuất ra 1 kg thịt bò nhiều hơn gấp 10 lần lượng nước cần thiết để trồng được 1 kg gạo hay bột mì.⁸

Khi gặp khó khăn về sự thiếu hụt lương thực trầm trọng và nạn đói tái phát, Châu Á đã mở cửa cho sự tăng trưởng kinh tế nhảy vọt bằng cách trở thành khu vực xuất siêu nhờ sự mở rộng chưa từng có của hệ thống công trình thủy lợi: tổng diện tích đất được tưới tiêu tăng gấp đôi trong khoảng thời gian từ năm 1960 đến năm 2000. Điều đáng chú ý là chỉ có một số ít các quốc gia công nghiệp tiên tiến phụ thuộc vào nguồn lương thực của quốc gia khác; ngược lại, nhiều quốc gia trong số đó là những cường quốc về xuất khẩu. Điều này có thể lý giải tại sao các quốc gia Châu Á lại chú trọng đến các chiến lược lớn liên quan tới an ninh lương thực, hoặc đánh đồng nó một cách tương đối thiếu thận trọng với chủ quyền lương thực. Tuy nhiên việc mở rộng nông nghiệp ở vùng bán khô hạn và khô hạn ở Châu Á đòi hỏi phải có hệ thống tưới tiêu lớn, trong đó có thể dẫn tới tình trạng ngập úng nghiêm trọng, vấn đề đất nhiễm mặn và giảm năng suất cây trồng. Thậm chí, ở những thung lũng màu mỡ của Châu Á được tiêu thoát nước bởi hệ thống các sông hồ chính, việc tưới tiêu vẫn cần thiết vào mùa khô do phần lớn lượng mưa của Châu lục này chỉ tập trung chủ yếu trong mùa mưa diễn ra trong vòng 3 đến 4 tháng. Trái lại, Châu Âu, với khí hậu ôn hòa và mùa mưa kéo dài, có thể sản xuất hầu hết lượng lương thực bằng việc trồng các loại cây ưa mưa. Trong thực tế, những nước trồng chủ yếu các loại cây ưa mưa là những quốc gia giàu có với ngành công nghiệp, không phải nông nghiệp, là ngành sử dụng nước nhiều nhất, trừ Úc và New Zealand.

Ngày nay Châu Á chiếm tỷ trọng lớn lên tới 70% diện tích đất được tưới tiêu trên toàn cầu. Ba tiểu vùng Nam Á, Trung Quốc và Đông Nam Á chiếm tới 50% tổng diện tích trên thế giới. Bởi vậy, không có gì ngạc nhiên khi Châu Á dẫn đầu thế giới về tổng lượng nước ngọt dùng cho nông nghiệp. Trong thực tế, con số đó là 74%.⁹ Xét về lượng nước có thể tái sử dụng của Châu lục này, tỷ lệ nước ngọt trong nông nghiệp là 81%, hoặc cao hơn ít nhất là 10% so với trung bình toàn cầu. Trong khi đó, ở Châu Âu, con số này chỉ là 29% và ở Nam Mỹ là 38%. Lượng nước tiêu thụ trong công nghiệp ở các nước Châu Á chỉ chiếm 11,4%, còn tỷ trọng nước dùng cho hộ gia đình là 7.3%.

Tuy nhiên, sau cuộc đại nhảy vọt từ nửa cuối thế kỷ trước, tốc độ tăng trưởng của sản lượng gạo và bột mì ở Châu Á đã giảm dần kể từ cuối thập kỷ 1990. Điều này làm dấy lên quan ngại rằng các nước vốn chủ yếu là nước có nền lương thực-thực phẩm tự cung tự cấp ở Châu Á như Trung Quốc và Ấn Độ sẽ trở thành các quốc gia nhập khẩu thực phẩm lớn, gây ảnh hưởng xấu tới thị trường quốc tế

do thị trường không đủ lớn để đáp ứng nhu cầu của thế giới. Do áp lực gia tăng dân số, tiêu dùng và áp lực phát triển kinh tế tăng cao, đồng thời sự gia tăng sản lượng lương thực chứng lại, Châu Á cần một cuộc cách mạng xanh thứ hai, trong đó nguồn nước sẽ là chướng ngại vật lớn nhất.

Dẫu vậy, nhu cầu về nước tăng mạnh nhất không phải từ lĩnh vực nông nghiệp mà từ lĩnh vực công nghiệp và các hộ gia đình ở đô thị. Liên hợp Quốc đã dự đoán rằng lượng nước tiêu thụ trong công nghiệp sẽ tăng gấp đôi từ năm 2000 đến 2025, trong đó chủ yếu tập trung ở khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, “do khu vực này sẽ trở thành trung tâm sản xuất công nghiệp của thế giới và phát triển mạnh mẽ ở những ngành sử dụng nhiều nước như sản xuất phụ tùng phương tiện giao thông vận tải, đồ uống và dệt may”.¹⁰ Tốc độ gia tăng nhanh nhất được dự đoán sẽ diễn ra ở Ấn Độ, nơi hiện có nền kinh tế với các ngành dịch vụ là chủ đạo, nhưng cũng là nơi có lượng nước tiêu thụ trong công nghiệp đến năm 2050 dự kiến tăng gấp 4 lần khi ngành sản xuất được mở rộng trên quy mô lớn. Tuy nhiên, tình trạng thiếu nước đang thực sự gây trở ngại tới quá trình mở rộng công nghiệp ở Châu Á, dẫn chứng là sự khan hiếm nước khiến Trung Quốc đã thiệt hại hàng tỷ đô la trong sản lượng công nghiệp hàng năm.¹¹

Nhân tố cuối cùng dẫn đến tình trạng áp lực về nước ở Châu Á là việc cô lập nguồn nước quy mô lớn bằng các con đập, hồ chứa và những công trình khác sẽ tác động lâu dài đến môi trường. Đập nước thực sự đem lại nhiều lợi ích lớn: khi được thiết kế và quy hoạch hợp lý, các đập nước này sẽ hỗ trợ sự phát triển kinh tế và xã hội bằng cách điều tiết nguồn nước, kiểm soát lũ lụt, tạo điều kiện cho việc tưới tiêu, sản xuất điện năng và đưa nước ngọt vào thành phố. Nhưng chúng cũng có thể làm ảnh hưởng tới chất lượng nước và sản lượng nước từ hạ lưu các con sông, thay đổi hệ thống sông ngòi, phá hoại đa dạng sinh học, thúc đẩy quá trình xói mòn bờ biển và xâm nhập mặn. Những con đập lớn gây ra hiện tượng bồi lắng, ngập lụt, thiệt hại môi trường sống, hủy hoại các loài cá và các vấn đề khác về môi trường cũng như sức khỏe cộng đồng ở Châu Á. Quan trọng không kém, trên thực tế, những con đập này làm rối loạn chu kỳ lũ lụt tự nhiên ở vùng nhiệt đới của sông hồ vốn rất quan trọng với nghề đánh bắt cá và quá trình tái màu mỡ của đất. Biển hồ Aral ở Trung Á đã bị thu hẹp hơn một nửa do sự lạm dụng xây đập ở khu vực đầu nguồn – sông Amu Darya và sông Syr Darya – và do sự khai thác quá mức lượng nước phục vụ hệ thống thủy lợi.

Phần lớn số lượng các con đập trên thế giới được xây dựng từ những năm 1950. Nhìn chung, việc xây dựng những con đập lớn đã dần chấm dứt ở phương Tây nhưng vẫn tiếp tục diễn ra ở Châu Á, nơi có hàng loạt các quốc gia tham gia

vào công việc này, từ Nhật Bản tới Thổ Nhĩ Kỳ. Trong thập niên tới, số lượng đập nước ở các quốc gia phát triển có khả năng vẫn giữ nguyên, trong khi phần lớn công trình đập nước ở các nước đang phát triển (tính bằng tổng dung tích hồ chứa) sẽ tập trung ở Trung Quốc, nơi sở hữu hơn một nửa trong tổng số gần 50.000 con đập lớn trên toàn thế giới¹². Tuy nhiên đại đa số những vị trí tốt nhất để xây đập ở Châu Á đã được đưa vào sử dụng. Bởi vậy, vấn đề xây dựng đập nước mới để tăng lượng cung cấp nước có thể không còn là lựa chọn phù hợp nữa trừ trường hợp ở các nước kém phát triển như Lào, Myanmar và Nepal – các quốc gia vốn chưa khai thác hiệu quả nguồn nước tự nhiên – hay ở những quốc gia theo chế độ độc tài chuyên chế nơi có thể không chế được ý kiến phản đối của người dân. Nhưng rất nhiều những dự án mới ở Châu Á chỉ ra rằng: xây đập nước trên sông vẫn là vấn đề được ưu tiên đối với nhà cầm quyền từ trung ương tới địa phương.

Sự chú trọng xây dựng đập nước đã và đang làm gia tăng căng thẳng và tranh chấp nguồn nước ở Châu Á, dẫn tới những hệ lụy đối với an ninh và ổn định khu vực. Vấn đề này dự kiến sẽ ngày càng tồi tệ hơn khi Trung Quốc tiếp tục tập trung xây dựng những con đập lớn trên các dòng sông quốc tế, dẫn chứng gần đây nhất là trên sông Mekong với con đập Tiểu Loan (Xiaowan) với công suất 4.200MW có chiều cao lớn hơn tháp Eiffel ở Paris nhiều lần và một con đập khác với công suất 38.000MW sẽ được đặt trên sông Brahmaputra ở Metog, gần biên giới đang tranh chấp với Ấn Độ. Đập Metog dự kiến lớn gấp đôi đập Tam Hiệp 18.300MW, hiện là con đập lớn nhất trên thế giới với việc xây dựng con đập khiến 1,7 triệu người Trung Quốc phải tái định cư. Thổ Nhĩ Kỳ cũng đang xây dựng các đập nước lớn trên sông Tigris và Euphrates.

Những quốc gia có khả năng gánh chịu phần lớn hậu quả của sự nắn dòng quy lớn các con sông này nằm ở cuối hạ lưu sông Brahmaputra, sông Mekong và sông Tigris-Euphrates như: Bangladesh, quốc gia có khả năng bị đe dọa bởi sự biến đổi khí hậu và môi trường; Việt Nam, vựa lúa của Châu Á; và Iraq, đang trong tình trạng nội chiến. Sự phân bổ nước của Trung Quốc từ sông Illy có nguy cơ biến hồ Balkhash của Kazakhstan thành một biển hồ Aral khác.

Việc tiếp tục xây dựng đập ở các quốc gia Châu Á cũng đang tạo ra căng thẳng và thách thức mới trong nội bộ các quốc gia. Khu vực đầu nguồn bị xuống cấp gây ra một trong những vấn đề nghiêm trọng nhất ảnh hưởng tới sự phát triển bền vững của Châu Á. Không chỉ vậy, đập nước còn có những tác hại khác, trong đó có việc thay đổi chế độ thủy văn của sông, quá trình bồi đắp trầm tích, thực vật ven sông, xói mòn bờ sông, sự di cư của loài cá và biến đổi nhiệt độ nước.

Rủi ro an ninh gia tăng

Với sự cạnh tranh về nước ngày càng gay gắt diễn ra trong nội bộ cũng như giữa các quốc gia, mối đe dọa về xung đột nước ở Châu Á đang ở mức độ cao hơn so với bất kì nơi nào trên thế giới. Nước là một đầu trường mới trong cuộc chiến lớn ở Châu Á. Trong thực tế, "cuộc chiến tranh nước" trên lĩnh vực chính trị, ngoại giao và kinh tế đã bắt đầu nhen nhóm giữa các nước láng giềng ven sông tại một số khu vực của Châu Á, khiến sự chống đối ngày càng gay gắt, gây mất niềm tin lẫn nhau; điều này đã cản trở quá trình mở rộng hợp tác và hội nhập giữa các khu vực. Nước từ những con sông, mạch nước ngầm, hồ xuyên quốc gia đã trở thành mục tiêu của các kế hoạch tranh giành giữa các quốc gia. Việc đảm bảo lượng nước chung trở thành một điểm nóng trong mối quan hệ giữa các quốc gia khi họ không quan tâm tới vấn đề bảo đảm nguồn nước cung cấp cho các đối tượng bên ngoài lãnh thổ quốc gia, trừ khi có những hiệp ước cụ thể.

Khi một dòng sông hay lưu vực nước ngầm được gắn liền với bản sắc văn hóa và hình ảnh dân tộc thì quyền sở hữu và kiểm soát nguồn tài nguyên như vậy được coi là đặc biệt quan trọng đối với lợi ích của mỗi quốc gia. Điều này đã làm nảy sinh những sáng kiến còn nhiều nghi vấn về môi trường: đập Tuyến Đại Tây (Great Western Route) của Trung Quốc đem nước từ cao nguyên Tây Tạng tới phía Bắc khô hạn, dự án Bốn Dòng sông (Four Rivers) gây chia rẽ chính trị của Hàn Quốc, đề xuất liên kết các dòng sông chính của Ấn Độ và kế hoạch của Jordan nhằm cứu Biển Chết đang bị thu hẹp lại bằng cách đưa nước từ Biển Đỏ qua một con kênh dài 178km (con kênh này cũng có thể cung cấp một lượng nước đã qua khử muối). Kế hoạch nối sông của Ấn Độ được đề xuất bởi một người vừa là thủ tướng vừa là nhà thơ, điều này có thể lý giải tại sao nó không bao giờ được cân nhắc và bị chính phủ hiện thời lãng quên. Trái lại, dự án Tuyến Đại Tây lại được thực hiện bởi những vị kỹ sư thuộc giới lãnh đạo chính trị hàng đầu Trung Quốc.

Bản đồ nguồn nước Châu Á về cơ bản đã thay đổi sau chiến thắng của Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 1949. Hầu hết những con sông lớn xuyên quốc gia của đất nước này nằm ở khu vực biên giới mà nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa sáp nhập thông qua cưỡng chế hoặc tái khẳng định chủ quyền. Ví dụ như cao nguyên Tây Tạng là vùng dự trữ nước ngọt lớn nhất trên thế giới và là đầu nguồn của những con sông lớn nhất Châu Á vốn là huyết mạch của cả phần lục địa Trung Quốc, Nam Á và Đông Nam Á. Những phần lãnh thổ khác của Trung Quốc cũng bao gồm các thượng nguồn sông Irtysh, sông Illy và sông Amur chảy qua Nga và Trung Á.

Điều này giúp Trung Quốc có nguồn nước chảy qua biên giới nhiều hơn bất kỳ quốc gia nào trên thế giới. Ngày nay, Bắc Kinh kiểm soát thượng nguồn của hơn một tá các lưu vực sông quan trọng xuyên quốc gia. Tuy nhiên, Trung Quốc luôn bác bỏ đề nghị chia sẻ nguồn nước hay hợp tác với các quốc gia ở hạ nguồn. Trong khi các nước láng giềng ven sông ở Đông Nam Á và Nam Á đang bị ràng buộc bởi các hiệp ước về nguồn nước mà họ đã đàm phán với nhau, Trung Quốc lại không hề ký kết bất kỳ hiệp ước nào với các quốc gia ven sông. Ví dụ, Trung Quốc là đối tác đối thoại nhưng không là thành viên của Ủy ban Sông Mekong, vẫn có quyền bày tỏ mong muốn lắng nghe các cuộc thảo luận giữa những quốc gia ở lưu vực mà không đồng ý với quy định của Ủy ban hoặc tuân thủ các trách nhiệm pháp lý bằng việc trở thành thành viên của Hiệp ước Sông Mekong 1995. Hơn nữa, Trung Quốc một mặt thúc đẩy chủ nghĩa đa phương trên trường quốc tế, mặt khác lại tỏ thái độ lạnh nhạt với sự hợp tác đa phương giữa các quốc gia vùng lưu vực sông. Những nước này coi chiến lược của Trung Quốc là cố ý chia để trị. Bởi vậy, cũng không có gì ngạc nhiên khi Trung Quốc là trung tâm của nhiều sự căng thẳng liên quan đến nước hiện nay ở Châu Á.

Mặc dù Trung Quốc công khai ủng hộ các sáng kiến song phương hơn thể chế đa phương trong việc giải quyết vấn đề liên quan tới nước, nhưng quốc gia này lại không hề có bất kỳ hành động thực chất nào để thúc đẩy những hoạt động song phương. Kết cục là, nguồn nước trở thành vấn đề chính trị mới trong mối quan hệ giữa các nước láng giềng như Ấn Độ, Kazakhstan, Nepal và Nga. Trung Quốc thường đánh lạc hướng sự chú ý bằng cách từ chối chia sẻ nguồn nước hay từ chối tham gia hợp tác thể chế hóa hướng tới quản lý bền vững các dòng sông chung thông qua những hiệp định quốc gia này đã ký kết về chia sẻ dữ liệu thống kê lưu lượng nước với các quốc gia láng giềng. Đây không phải là thỏa thuận hợp tác chia sẻ nước mà là những thỏa ước thương mại để bán dữ liệu thủy văn mà các quốc gia ở thượng nguồn khác thường cung cấp miễn phí tới các nước ở phía hạ lưu.

Ngoài Trung Quốc, còn xuất hiện những xung đột về nước giữa Ấn Độ và Pakistan, giữa các quốc gia Trung Á, giữa Thổ Nhĩ Kỳ và nước láng giềng vùng hạ lưu sông, giữa Israel và Palestin. Tuy Trung Quốc có vai trò và vị trí ven sông đặc biệt, nhưng việc biến những cuộc cạnh tranh về nước ở Châu Á thành hợp tác là bất khả thi nếu không có sự tích cực tham gia của Trung Quốc.

Hiện tượng tranh chấp nước trong nội bộ quốc gia đã lan rộng trên khắp Châu lục. Trữ lượng nước không đồng đều trong các quốc gia Châu Á (dồi dào ở một số vùng nhưng khan hiếm ở vùng khác) khiến các kế hoạch lập dự án xây dựng đập lớn hay công trình chuyển hướng dòng nước trở nên cần thiết, nhưng lại

bị phản đối bởi cấp cơ sở do ảnh hưởng tới vấn đề di dân và đất ngập úng. Thêm vào đó, những quyết định của chính phủ và doanh nghiệp về địa điểm xây dựng nhà máy sản xuất hoặc nhà máy điện đang ngày càng bị chi phối bởi nguồn nước sẵn có. Đối với những nơi có trữ lượng nước thấp, quyết định xây dựng một nhà máy mới thường bị người dân địa phương phản đối vì nó có thể khiến nguồn tài nguyên nước ngày càng khan hiếm. Xây dựng nhà máy điện hạt nhân dọc theo nguồn nước ngọt gần như là điều không thể đối với các nước đang thiếu hụt nước của Châu Á, nơi được gọi là trung tâm của thời kỳ phục sinh hạt nhân toàn cầu. Thay vào đó, các nhà máy nguồn nước này được xây dựng trên bờ biển, nơi chúng có thể dựa vào nguồn nước biển để hoạt động. Tuy nhiên, Fukushima là một lời cảnh báo về rủi ro của các cơ sở hạt nhân ven biển trước các sự kiện cực đoan có khả năng ngày càng trở nên phổ biến hơn đi kèm với hiện tượng biến đổi khí hậu.

Mâu thuẫn về nước trong các quốc gia, đặc biệt là ở các quốc gia có nền văn hóa đa sắc tộc, thường gây ra khó khăn cho việc quản lý an ninh trật tự. Tình trạng tranh chấp nước ở các quốc gia như vậy hiếm khi thu hút được sự chú ý của quốc tế, nhưng cuộc xung đột ở nội bộ Yemen và Afghanistan cho thấy hạn hán thường xuyên và khan hiếm nước gây tổn hại tới mối quan hệ giữa các sắc tộc, tôn giáo và có nguy cơ dẫn đến chiến tranh. Thậm chí, các cuộc xung đột tiêu biểu của một số quốc gia hiếm nước ở Châu Á đã khiến người dân bản địa trực tiếp tham gia cùng lực lượng an ninh trong việc bảo vệ nguồn nước ngọt, chẳng hạn như giếng và xe tải nước. Kinh nghiệm của Châu Á hơn 25 năm qua đã cho thấy mâu thuẫn nội địa về nước có xu hướng gây nhiều thiệt hại hơn và bạo lực hơn những cuộc chiến giữa các quốc gia.

Không chế các rủi ro

Để củng cố sự ổn định chiến lược, bảo vệ sự tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy sự bền vững của môi trường và ngăn chặn những cuộc tranh giành nước trở thành xung đột, các quốc gia Châu Á phải đầu tư nhiều hơn vào sự hợp tác thể chế hóa về tài nguyên lưu vực sông xuyên biên giới. Nước đã nổi lên trở thành một lĩnh vực đánh giá khả năng của Châu Á trong việc xây dựng mối quan hệ hoặc hợp tác hoặc cạnh tranh về một nguồn tài nguyên quan trọng.

Sự phụ thuộc vào nước từ những con sông và mạch nước ngầm xuyên quốc gia ngày càng phổ biến ở các nước Châu Á. Tuy nhiên, Trung Quốc là ngoại lệ khi lượng nước quốc gia này phụ thuộc vào dòng chảy xuyên biên giới chiếm chưa đầy 1% (một trong những mức thấp nhất trên thế giới). Châu Á có ít nhất 57 lưu vực

sông xuyên quốc gia, nhưng hầu hết các dòng sông này đều thiếu sự hợp tác quản lý. Con số chính xác về số lượng lưu vực nước ngầm xuyên quốc gia ở Châu Á vẫn chưa được xác định bởi chưa có sự đánh giá khoa học nào được tiến hành trên lĩnh vực này. Tuy nhiên, một số hệ thống nước ngầm chung đã trở thành mục tiêu trong các kế hoạch chiếm đoạt và căng thẳng về chính trị, ví dụ như al-Disi, nằm giữa biên giới Ả Rập Saudi và Jordan. Những hiệp ước về nước giữa các quốc gia Châu Á rất dễ gây ngộ nhận vì hầu hết các hiệp ước này chỉ đề cập đến những vấn đề ít quan trọng thay vì quan tâm đến việc chia sẻ nguồn nước hay quản lý bền vững nguồn tài nguyên phía lưu vực sông xuyên biên giới. Đó là những hợp đồng thương mại, dự án đồng nghiên cứu hay kiểm soát lũ lụt, sử dụng các cù lao trên sông, phát triển thủy điện, và các biên bản không có tính chất ràng buộc nhưng vẫn được coi như là các hiệp định về nước.

Sự thật là, chỉ có bốn trong số những con sông xuyên quốc gia ở Châu Á chịu sự điều chỉnh của các điều ước quốc tế về chia sẻ nguồn nước hay các hình thức hợp tác được thể chế hóa khác. Đó là sông Mekong (nơi sự không tham gia của Trung Quốc, một quốc gia thượng nguồn chiếm khá nhiều ưu thế, đã làm kìm hãm sự phát triển của một cộng đồng lưu vực sông thực thụ), sông Hằng (nằm giữa Bangladesh và Ấn Độ), sông Ấn (giữa Ấn Độ và Pakistan, với dòng chuyển lưu qua biên giới được bảo đảm mạnh nhất trong mọi hiệp ước quốc tế) và sông Jordan (một lưu vực gồm bốn quốc gia nơi mà nguồn tài nguyên nước là đối tượng điều chỉnh của hiệp ước chỉ bao gồm Israel và Jordan).

Những hiệp ước duy nhất thể hiện sự chia sẻ nguồn nước trên lưu vực sông xuyên quốc gia là các hiệp ước liên quan đến sông Ấn và sông Hằng. Nhưng các hiệp ước này chưa thật sự hoàn chỉnh vì vẫn thường xuyên xảy ra tranh cãi, đặc biệt liên quan đến sông Ấn. Tuy nhiên chúng vẫn đạt được những mục đích nhất định. Trong thực tế, cả bốn điều ước của Châu Á chứng minh rằng: thỏa thuận giữa các quốc gia có thể thành công ngay cả giữa các nước thù địch, mặc dù những thỏa thuận đó có thể vẫn có căng thẳng và xung đột về chính trị.

Vấn đề cấp thiết là thiết lập quy định chung của Châu Á về chia sẻ nguồn nước giữa các quốc gia ven sông và sử dụng chúng như một chỉ dẫn cho việc pháp điển hóa các nguyên tắc của luật tập quán về nước quy định bởi Công ước Liên Hợp Quốc về việc Sử dụng Sông ngòi Quốc tế ngoài Mục đích Đi lại (United Nations Convention on the Non-Navigational Uses of International Watercourses), mặc dù Công ước năm 1997 này dường như vẫn còn lâu mới có hiệu lực. Cách duy nhất để ngăn chặn hay quản lý những vụ tranh chấp nước ở Châu Á là đưa ra thỏa thuận chung giữa tất cả các quốc gia thuộc lưu vực ven sông. Nếu bất kỳ một quốc gia

nào từ chối tham gia, thỏa thuận đó sẽ không có hiệu lực. Thỏa thuận phải chú trọng vào tính minh bạch, trao đổi thông tin, bình đẳng về lợi ích, giải quyết vấn đề tranh chấp, kiểm soát ô nhiễm, các dự án và cam kết chung nhằm ngăn chặn những hành động làm nguy hại đến nguồn tài nguyên nước.

Bằng cách tạo điều kiện cho những cuộc đối thoại có tính chất xây dựng và hợp tác chặt chẽ, các thể chế về nước sẽ hỗ trợ ngăn chặn nguy cơ nảy sinh tranh chấp nguồn nước chung. Thành lập những cơ chế như vậy là không hề đơn giản, bởi các yếu tố vật lý, địa chính trị và kinh tế phức tạp, trong đó có sự phát triển kinh tế và khai thác nguồn nước đơn phương không đồng đều bởi một hay nhiều quốc gia ven sông. Các cơ chế về luật pháp, thể chế và tham vấn của các cơ chế như vậy được thiết lập không chỉ nhằm ngăn chặn cạnh tranh và xung đột giữa các quốc gia mà còn nhằm đảm bảo rằng chính sách về nước có hiệu quả sẽ đóng vai trò một chất xúc tác thúc đẩy quá trình tiến bộ xã hội và tăng trưởng kinh tế thông qua sự quản lý chung nguồn nước. Các thỏa thuận hợp tác như vậy thực sự có thể giúp cải thiện lưu lượng nước cũng như chất lượng nguồn nước.

Châu Á có rất ý sự chọn lựa ngoài việc nâng cao hiệu quả và năng suất nguồn nước. Những cải thiện về sử dụng nước hiệu quả trong nông nghiệp, năng lượng và công nghiệp đã chững lại ở mức cao nhất 1% mỗi năm trong vòng hai thập kỷ qua.¹³ Những dự án đầu tư lớn hơn là thật sự cần thiết để nâng cấp và duy trì cơ sở hạ tầng cấp nước bởi thiệt hại từ tình trạng rò rỉ nước chiếm 29 tỷ m³ nước đã qua xử lý mỗi năm, tổng giá trị chí ít cũng khoảng 9 tỷ USD.

Cuộc khủng hoảng nước ở Châu Á đang mở ra cơ hội cho đầu tư và đổi mới công nghệ ở hai lĩnh vực chính. Một là đảm bảo tăng hiệu quả và năng suất nước qua hệ thống vi thủy lợi và sử dụng hiệu quả nước công nghiệp. Một khía cạnh khác là công nghệ làm sạch nước, gồm xử lý nước thải và tái chế, khử muối và làm sạch nước ô nhiễm hoặc nước lợ. Các công nghệ mới này sẽ là chìa khóa giải quyết những thách thức về nguồn nước ngọt của Châu Á.

Trong bối cảnh lượng nước phục vụ nông nghiệp đang đặc biệt cao ở Châu Á, vấn đề tiết kiệm nước chủ yếu xuất phát từ việc gìn giữ nguồn nước và sử dụng hợp lý nước nông nghiệp để có nhiều nước hơn cho các ngành công nghiệp khác và cho sinh hoạt. Các quốc gia Châu Á gần như không còn lựa chọn nào khác ngoài việc nâng cấp hệ thống thủy lợi cũ và mở rộng công nghệ tưới nhỏ giọt mà ngày nay vẫn chưa được sử dụng phổ biến. Công nghệ tưới nước trực tiếp vào rễ cây này có thể giúp giảm lượng nước tiêu thụ trong nông nghiệp từ 50% đến 70% so với hệ thống mương máng tưới tiêu và từ 10% đến 20% so với tưới phun. Lượng nước

nông nghiệp cũng có thể được tăng lên nhờ các giống cây trồng có khả năng chịu hạn và chịu lụt cao.

Kinh nghiệm từ Châu Á đã chỉ ra rằng một tiểu vùng, một khu vực trong một quốc gia hay cả một quốc gia càng đông dân thì thách thức về nước càng trở nên nghiêm trọng mà theo sau là tình trạng suy giảm chất lượng nước. Nhưng một khi chất lượng nước được bảo đảm, sự khan hiếm nước có thể được quản lý một cách hiệu quả hơn. Chẳng hạn như Nhật Bản và Hàn Quốc có lượng nước bình quân đầu người thấp hơn so với toàn cầu nhưng chất lượng nước vượt trội đã giúp họ đáp ứng đủ nhu cầu của cả nước.

Một khi cả chất lượng và sản lượng nước được tăng cao, tình trạng căng thẳng về nước sẽ giảm bớt một cách đáng kể. Lượng nước bình quân đầu người ở Hàn Quốc cao gần bằng Pakistan, nhưng chất lượng và năng suất nước được cải thiện hơn rất nhiều. Kết quả là, Hàn Quốc mặc dù rất dễ chịu sự tàn phá của hạn hán nhưng không phải đối mặt với tình trạng khủng hoảng nước trầm trọng như Pakistan. Trên thực tế, vẫn còn nhiều dư địa để tiếp tục tăng chất lượng và năng suất nước ở nhiều quốc gia Châu Á, trong đó có cả những nước đã đạt được chất lượng và năng suất nước cao như Hàn Quốc, Nhật Bản và Singapore.

Ngay cả khi có sự hiện diện của các công nghệ làm sạch nước tiết kiệm chi phí và tiết kiệm năng lượng thì giá thành nước vẫn tăng mạnh ở Châu Á, đặc biệt là trong ngành công nghiệp. Công nghệ khử muối và tái chế nước thải bằng năng lượng mặt trời sẽ giúp cải thiện tình hình, tuy nhiên các chi phí cấp nước kèm theo vẫn tăng mạnh do cơ sở hạ tầng phát sinh và nhu cầu bảo trì, bảo dưỡng. Công nghệ khử muối, xử lý nước thải vẫn là những công nghệ cần nhiều năng lượng và phát thải khí nhà kính và vẫn là một bài toán đặt đố.

* * *

Tóm lại, mặc dù có một bề dày truyền thống lịch sử, với nền văn hóa cổ xưa và đang trong thời kì phục hưng kinh tế, Châu Á là Châu lục duy nhất bên cạnh Châu Phi đang đối mặt với tình trạng hội nhập khu vực chưa thực sự bén rễ. Trên thực tế, sự đa dạng về văn hóa và chính trị ở Châu Á là rào cản đối với quá trình hội nhập và phát triển. Do đó, Châu Á còn thiếu các tổ chức, cơ quan để ngăn chặn hay quản lý xung đột, thậm chí ngay cả sự thịnh vượng và chủ nghĩa dân tộc đang gia tăng cũng có thể châm ngòi những cuộc tranh chấp lãnh thổ và nguồn tài nguyên. Tuy vậy, do nguồn nước ngày nay là nhân tố quan trọng dẫn tới thay đổi địa chính trị toàn cầu, Châu lục này cần tăng cường hội nhập với sự hợp tác được thể chế hóa về nguồn tài nguyên chung. Châu Á cũng cần có chiến lược tiếp cận mới, tập trung vào việc bảo tồn, nâng cao hiệu suất và năng suất nước, và rộng

hơn là quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên của tất cả các quốc gia cùng chia sẻ một lưu vực sông cụ thể. Sự cạnh tranh về nước sẽ kiểm nghiệm năng lực của Châu Á trong việc quản lý những vấn đề liên quan đến nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Chú thích

1. Có rất nhiều định nghĩa về sự thiếu hụt nước và áp lực về nước. Phổ biến nhất là xác định tình trạng có áp lực về nước là khi lượng nước bình quân đầu người dưới 1.700m^3 nước/năm, khan hiếm nước ở mức dưới 1.000m^3 /năm và khan hiếm nước tuyệt đối ở mức dưới 500m^3 /năm. Xem Amber Brown and Marty D. Matlock, *A Review of Water Scarcity Indices and Methodologies*, White Paper 106 (Tempe, AZ: The Sustainability Consortium, 2011), http://www.sustainabilityconsortium.org/wp-content/themes/sustainability/assets/pdf/whitepapers/2011_Brown_Matlock_Water-Availability-Assessment-Indices-and-Methodologies-Lit-Review.pdf.
2. "Coping with Water: Q&A with FAO Director-General Dr. Jacques Diouf", UN Food and Agriculture Organization, ngày 22/3/2007, <http://www.fao.org/newsroom/en/focus/2007/1000521/index.html>. Xem thêm United Nations World Water Assessment Program, *Water in a Changing World Report* (Colombella: UN World Water Assessment Program, 2009); Jill Boberg, Jill Boberg, *Liquid Assets: How Demographic Changes and Water Development Policies affect Freshwater Resources* (Santa Monica, CA: RAND, 2005); và Daniel Wild, Carl-Johan Francke, Pierin Menzli and Urs Schön, *Water: A Market of the Future* (Zurich: Sustainable Asset Management, 2007).
3. UN Food and Agriculture Organization, 'Freshwater Availability: Precipitation and Internal Renewable Water Resources (IRWR)', Aquastat online table, <http://www.fao.org/nr/water/aquastat/main/index.stm>, 2011.
4. UN Economic and Social Commission for Asia and the Pacific, *The State of the Environment in Asia and the Pacific 2005* (Bangkok: UN Economic and Social Commission for Asia and the Pacific, 2006), tr. 57–8.
5. FAO, Aquastat online database.
6. UN Economic and Social Commission for Asia and the Pacific, *Sustainable Agriculture and Food Security in Asia and the Pacific* (Bangkok: UN Economic and Social Commission for Asia and the Pacific, 2009), bảng III-2, trang 63.
7. Như trên.
8. A.Y. Hoekstra and A. K. Chapagain, *Globalisation of Water: Sharing the Planet's Freshwater Resources* (Oxford: Blackwell, 2008); và FAO, *Water Resources of the Near-East Region: A Review* (Rome: FAO, 1997).

9. International Water Management Institute and FAO, *Revitalizing Asia's Irrigation: To Sustainably Meet Tomorrow's Food Needs* (Colombo: International Water Management Institute, 2009), tr. 5, 9.
10. UN Economic and Social Commission for Asia and the Pacific, *State of the Environment in Asia and the Pacific*, tr. 63.
11. China's Water Resources and Hydropower Planning and Design General Institute, Presentation at the ESCAP Ad Hoc Expert Group Meeting on Water-Use Efficiency Planning, Bangkok, từ 26-28/10/2004.
12. International Commission on Large Dams, Intranet, dữ liệu trực tuyến; World Commission on Dams, 'Dams and Water: Global Statistics', dữ liệu trực tuyến.
13. Arjun Thapan, Opening Remarks to the Conference 'Water: Crisis and Choices – ADB and Partners Conference 2010', Manila, ngày 14/10/2010 tại Manila.
14. Như trên.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc các cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.
- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên các trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: nghiencuuquocte@gmail.com.